

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Hà Nội, Tháng 3 năm 2022



MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Các tiêu chí ngoài Bảng cân đối kế toán	8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có mã số doanh nghiệp 0305706456 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 13/5/2008, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 24/6/2021; Giấy phép thành lập và hoạt động số 35/UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 13/5/2008, đăng ký thay đổi lần 08 theo Giấy phép số 46/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305706456 thay đổi lần thứ 01 ngày 24/6/2021 là: 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*).

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: UNITED CAPITAL MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: UNICAP.

Trụ sở chính của công ty đặt tại: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nội bộ và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến nay lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quý Hiền	Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo Pháp luật
Ông Chu Tiến Vượng	Thành viên độc lập
Bà Huỳnh Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Lê Mỹ Hà	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28/4/2021)

Ban Kiểm soát nội bộ

Ông Nguyễn Thanh Ba	Trưởng Ban kiểm soát nội bộ
Ông Nguyễn Như Nam	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Mỹ Hà	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 29/4/2021)
Ông Tống Trường Sơn	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 29/4/2021)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

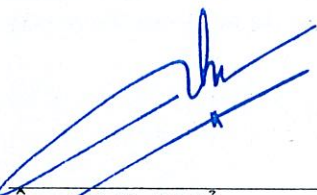
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, 



Ông Lê Quý Hiền
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Số: 112/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nội bộ và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực, được lập ngày 14 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ hiện hành, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực tại ngày 31/12/2021 cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Quản lý quỹ hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue ink signature, likely belonging to Lê Mạnh Hùng, written in a cursive style.

Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Lê Mạnh Hùng**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4301-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		20.826.971.676	17.813.472.141
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	16.050.451.292	12.599.505.525
1. Tiền	111		1.550.451.292	12.599.505.525
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.500.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.448.000.000	455.400.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	22.905.369.536	22.905.369.536
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5.2	(20.457.369.536)	(22.449.969.536)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.328.520.384	4.743.311.616
1. Phải thu khách hàng	131	5.3	519.407.801	1.884.199.033
5. Các khoản phải thu khác	135	5.4	1.809.112.583	2.859.112.583
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	15.255.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	-	15.255.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		12.655.960.000	9.105.064.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.155.960.000	2.105.064.000
6. Phải thu dài hạn khác	218	5.4	1.155.960.000	2.105.064.000
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	-	-
- Nguyên giá	222		763.317.640	763.317.640
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(763.317.640)	(763.317.640)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		249.881.565	249.881.565
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(249.881.565)	(249.881.565)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11.500.000.000	7.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	11.500.000.000	7.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		33.482.931.676	26.918.536.141

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		147.650.997	814.508.328
I. Nợ ngắn hạn	310		147.650.997	814.508.328
2. Phải trả người bán	312	5.9	-	652.400.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	12.875.287	2.003.898
5. Phải trả người lao động	315		102.888.760	115.175.038
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	31.886.950	44.929.392
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		33.335.280.679	26.104.027.813
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	33.335.280.679	26.104.027.813
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(66.664.719.321)	(73.895.972.187)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		33.482.931.676	26.918.536.141

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2021

Tài sản	TM	MS	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
1	2	3	4	5
1. Tài sản cố định thuê ngoài		001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược		003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		004	-	-
5. Ngoại tệ các loại		005	-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		006	-	-
Trong đó:				
6.1 Chứng khoán giao dịch		007	-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		008	-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố		009	-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ		010	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán		011	-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút		012	-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch		013	-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		014	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch		015	-	-
7. Chứng khoán lưu ký của Công ty quản lý quỹ		020	-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		030	-	-
8.1 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.13	031	8.337.165	205.620.564
8.2 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		032	-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		040	-	-
9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.14	041	100.000.000.000	100.000.000.000
9.2 Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		042	-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		050	519.407.801	1.884.199.033
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác		051	3.807.225	3.752.264

Người lập

Phụ trách kế toán

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Quang Anh

Nguyễn Quang Anh

Lã Quý Hiền



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu	01	6.1	1.487.608.768	1.484.086.861
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01-02)	10		1.487.608.768	1.484.086.861
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	6.2	375.599.609	271.110.874
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10-11)	20		1.112.009.159	1.212.975.987
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.253.893.379	1.689.488
7. Chi phí tài chính	22	6.4	(1.991.943.000)	2.659.258.800
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	2.123.442.672	3.324.677.499
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-25}	30		7.234.402.866	(4.769.270.824)
10. Thu nhập khác	31	6.6	-	-
11. Chi phí khác	32	6.6	3.150.000	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(3.150.000)	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		7.231.252.866	(4.769.270.824)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		7.231.252.866	(4.769.270.824)
17. Lãi trên cổ phiếu	70	6.8	723	(477)

Người lập

Phụ trách kế toán

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2022
Chủ tịch HĐQT *hau*

[Signature]

Nguyễn Quang Anh

[Signature]

Nguyễn Quang Anh



Lã Quý Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.231.252.866	(4.769.270.824)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Các khoản dự phòng	03		(1.992.600.000)	2.658.600.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.253.893.379)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.015.240.513)	(2.110.670.824)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.136.104.768)	(800.028.601)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(663.707.331)	(96.226.334)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		15.255.000	29.314.379
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.150.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.802.947.612)	(2.977.611.380)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7.000.000.000	3.550.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.253.893.379	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.253.893.379	(3.450.000.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50= 20+30+40)	50		3.450.945.767	(6.427.611.380)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		12.599.505.525	19.027.116.905
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70= 50+60+61)	70	5.1	16.050.451.292	12.599.505.525

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Người lập

Phụ trách kế toán

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Quang Anh

Nguyễn Quang Anh

Lã Quý Hiền



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	TM	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm			Số dư cuối năm	
		01/01/2020	01/01/2021	Năm 2020		Năm 2021	31/12/2020	31/12/2021
				Tăng	Giảm	Tăng		
1	2	3	4	5	6	7	8	10
I. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
4. Lợi nhuận chưa phân phối		(69.126.701.363)	(73.895.972.187)	-	(4.769.270.824)	7.231.252.866	(73.895.972.187)	(66.664.719.321)
Cộng		30.873.298.637	26.104.027.813	-	(4.769.270.824)	7.231.252.866	26.104.027.813	33.335.280.679

Người lập

Nguyễn Quang Anh

Phụ trách kế toán

Nguyễn Quang Anh

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Chức vụ HĐQT



Lã Quý Hiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có mã số doanh nghiệp 0305706456 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà nội cấp đăng ký lần đầu ngày 13/5/2008, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 24/6/2021; Giấy phép thành lập và hoạt động số 35/UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 13/05/2008, đăng ký thay đổi lần 08 theo Giấy phép số 46/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305706456 thay đổi lần thứ 01 ngày 24/6/2021 là: 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*).

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: UNITED CAPITAL MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: UNICAP.

Trụ sở chính: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, Phường Dịch
Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm các hoạt động sau:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tổng số nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31/12/2021 là 12 nhân viên (tại ngày 01/01/2021 là 12 nhân viên).

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý quỹ ban hành kèm theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư chứng khoán

Chứng khoán tự doanh bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Chứng khoán tự doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các chứng khoán tự doanh được tiếp tục phản ánh theo giá gốc trong các năm tài chính tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá thị trường có thể xác định được. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn**

Được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Giá trị trường của các chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch ở Trung tâm giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 03 Công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá 01 tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị huỷ hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hoá và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hoá đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình: phần mềm quản lý được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Hao mòn tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định vô hình	05

Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu..

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được 1 cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí quản lý danh mục đầu tư uỷ thác và phí thưởng hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản hợp đồng quản lý danh mục đầu tư khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán với giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Mẫu số B 09 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	151.193.276	431.426.531
Tiền gửi ngân hàng	1.399.258.016	12.168.078.994
Các khoản tương đương tiền	14.500.000.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Thanh Xuân</i>	<i>14.500.000.000</i>	<i>-</i>
Tổng	16.050.451.292	12.599.505.525

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư	180.000	22.905.369.536	180.000	22.905.369.536
Công ty CP Xây dựng FLC Faros - ROS	180.000	22.905.369.536	180.000	22.905.369.536
Tổng		22.905.369.536		22.905.369.536
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(20.457.369.536)		(22.449.969.536)
Giá trị hợp lý	180.000	2.448.000.000	180.000	455.400.000

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	519.407.801	1.884.199.033
Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Thanh hóa	344.363.576	953.084.643
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển An Thịnh Đạt	175.044.225	931.114.390
Tổng	519.407.801	1.884.199.033

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Mẫu số B 09 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Phải thu khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	1.809.112.583	-	2.859.112.583	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu khác	1.799.112.583	-	2.849.112.583	-
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng INCONS</i>	<i>1.750.000.000</i>	-	-	-
<i>Công ty CP ĐT và Khoáng Sản FLC AMD</i>	<i>49.112.583</i>	-	<i>49.112.583</i>	-
<i>Công ty TNHH ĐT Du thuyền - sân Golf FLC</i>	-	-	<i>2.800.000.000</i>	-
Dài hạn	1.155.960.000	-	2.105.064.000	-
- Ký cược, ký quỹ	1.155.960.000	-	2.105.064.000	-
<i>Công ty CP kết nối tài chính Việt Nam (*)</i>	<i>1.155.960.000</i>	-	<i>2.105.064.000</i>	-
Tổng	2.965.072.583	-	4.964.176.583	-

Trong đó phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)

Công ty CP kết nối tài chính Việt Nam	1.155.960.000	-	2.105.064.000	-
---------------------------------------	---------------	---	---------------	---

(*) Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn với Công ty Cổ phần kết nối tài chính Việt Nam là tiền đặt cọc thuê văn phòng tầng 25 số 25T-01/2019/HĐVP/VFL - UNICAP ngày 15/4/2019. Đặt cọc thuê văn phòng 5 năm từ 15/4/2019. Trong năm 2 bên đã thống nhất bù trừ chi phí thuê với tiền ký quỹ là 949.104.000 VND.

5.5 Chi phí trả trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	-	15.255.000
Dịch vụ điện toán đám mây	-	15.255.000
Tổng	-	15.255.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Thiết bị quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>		
Tại ngày 01/01/2021	763.317.640	763.317.640
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2021	763.317.640	763.317.640
<u>Hao mòn lũy kế</u>		
Tại ngày 01/01/2021	763.317.640	763.317.640
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2021	763.317.640	763.317.640
<u>Giá trị còn lại</u>		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	-

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 763.317.640 đồng (tại ngày 01/01/2021 là 763.317.640 đồng).

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>		
Tại ngày 01/01/2021	249.881.565	249.881.565
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2021	249.881.565	249.881.565
<u>Hao mòn lũy kế</u>		
Tại ngày 01/01/2021	249.881.565	249.881.565
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2021	249.881.565	249.881.565
<u>Giá trị còn lại</u>		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 249.881.565 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 249.881.565 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰCTầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, P. Dịch
Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội**Mẫu số B 09 - CTQ**(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2021 VND			01/01/2021 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần đầu tư địa ốc Alaska (*)	4.500.000.000	(***)	-	7.000.000.000	(***)	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển AZPRO Gia Lai (**)	7.000.000.000	(***)	-	-	-	-
Tổng	11.500.000.000		-	7.000.000.000		-

(*) Công ty mua cổ phần của Công ty Cổ phần đầu tư Địa ốc Alaska (70.000 cổ phần, một cổ phần mệnh giá 100.000 VND), với số tiền 7.000.000.000 VND, tương đương sở hữu 0,7% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 25.000 cổ phần với giá trị hợp đồng 8.750.000.000 VND, giảm tỷ lệ sở hữu xuống còn 0,45% vốn điều lệ.

(**) Công ty mua cổ phần của Công ty CP Đầu tư và Phát triển AZPRO Gia Lai (700.000 cổ phần, một cổ phần mệnh giá 10.000 VND), với số tiền 7.000.000.000 VND, tương đương sở hữu 4,6% vốn điều lệ.

(***) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư do công ty nhận đầu tư không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

5.9 Phải trả người bán

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	-	-	652.400.000	652.400.000
CN Công ty TNHH Đầu tư Du thuyền - sân Golf FLC Biscom tại tỉnh Quảng Ninh	-	-	652.400.000	652.400.000
Tổng	-	-	652.400.000	652.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
Thuế thu nhập cá nhân	2.003.898	37.878.768	27.007.379	12.875.287
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng	2.003.898	40.878.768	30.007.379	12.875.287

5.11 Phải trả khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	31.886.950	44.929.392
Các khoản bảo hiểm bắt buộc	31.886.950	44.929.392
Tổng	31.886.950	44.929.392

5.12 Vốn chủ sở hữu

a. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

b. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.13 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Số đầu năm	205.620.564	2.777.479
Số tăng trong năm	2.700.451.311	247.836.917
Số giảm trong năm	(2.897.734.710)	(44.993.832)
Số cuối năm	8.337.165	205.620.564

5.14 Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu không niêm yết	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Thanh Hóa	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển An Thịnh Đạt	50.000.000.000	50.000.000.000
Tổng	100.000.000.000	100.000.000.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác (*)	1.487.608.768	1.484.086.861
Tổng	1.487.608.768	1.484.086.861
Các khoản giảm trừ	-	-
Tổng	1.487.608.768	1.484.086.861

(*) Phí quản lý danh mục Đầu tư Ủy thác với Công ty TNHH Đầu tư địa ốc Thanh Hóa (HĐ số 03/2019/HĐ/UNICAP ngày 11/9/2019) và Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Vietexco (sau đổi tên thành Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển An Thịnh Đạt), (HĐ số 02/2019/HĐ/UNICAP ngày 11/9/2019).

6.2 Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn quản lý danh mục đầu tư ủy thác	375.599.609	271.110.874
Tổng	375.599.609	271.110.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.893.379	1.689.488
Lãi do chuyển nhượng cổ phần	6.250.000.000	-
Tổng	6.253.893.379	1.689.488

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán	(1.992.600.000)	2.658.600.000
Chi phí tài chính khác	657.000	658.800
Tổng	(1.991.943.000)	2.659.258.800

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.057.098.997	1.269.557.595
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	36.877.000	29.404.128
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.020.653.421	2.002.257.914
Chi phí bằng tiền khác	5.813.254	20.457.862
Tổng	2.123.442.672	3.324.677.499

6.6 Thu nhập khác / Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập khác		
Tổng	-	-
Chi phí khác		
Chi phí phạt thuế	3.150.000	-
Tổng	3.150.000	-
Lãi (lỗ) hoạt động khác	(3.150.000)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	7.231.252.866	(4.769.270.824)
Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường	7.231.252.866	(4.769.270.824)
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế (tiền phạt thuế)	3.150.000	-
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (chuyển lỗ)	(7.234.402.866)	-
Lợi nhuận chịu thuế hoạt động kinh doanh thông thường	-	(4.769.270.824)
Thuế suất áp dụng hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	-	-

6.8 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận (lỗ) kế toán sau thuế TNDN	7.231.252.866	(4.769.270.824)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.231.252.866	(4.769.270.824)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	723	(477)

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nội bộ và Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Lã Quý Hiền	Chủ tịch	-	-
Ông Chu Tiến Vượng	Thành viên độc lập	-	-
Bà Huỳnh Thị Thu Hương	Thành viên	-	-
Tổng		-	-
Thù lao của Ban Kiểm soát nội bộ			
Ông Nguyễn Thanh Ba	Trưởng ban	108.183.000	106.386.696
Ông Nguyễn Như Nam	Thành viên	30.000.000	27.754.546
Tổng		138.183.000	134.141.242
Tiền lương của Tổng Giám đốc			
Ông Lê Mỹ Hà	Tổng Giám đốc	55.444.920	90.124.117
Ông Tống Trường Sơn	Tổng Giám đốc	207.226.460	-
Ông Nguyễn Quang Anh	Phụ trách kế toán	220.122.981	203.751.684
Tổng		482.794.361	293.875.801

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giao dịch mua hàng				
Công ty CP kết nối tài chính Việt Nam	Công ty cùng chủ tịch	Phí thuê văn phòng	949.104.000	1.898.208.000

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Các khoản phải thu				
Công ty CP kết nối tài chính Việt Nam	Công ty cùng chủ tịch HĐQT	Ký quỹ, ký cược	1.155.960.000	2.105.064.000

7.2 Chính sách quản lý rủi ro tài chính

Quản lý rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng trong công tác quản trị của Công ty. Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất các chính sách quản lý nhưng rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như tổng hợp dưới đây.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hoá và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán.

Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của bảng cân đối kế toán có liên quan đến chứng khoán nợ sẵn sàng để bán; độ nhạy của các khoản mục trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng là sự ảnh hưởng của những thay đổi giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính nắm giữ tại ngày 31/12/2021.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản này phần lớn là ngắn hạn và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Phân tích về mức độ nhạy với lãi suất không được thực hiện cho năm kết thúc ngày 31/12/2021 do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty rất nhỏ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc tiền tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty không có rủi ro ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

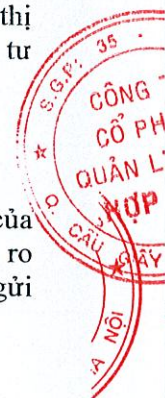
Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương ứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)**Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Thông tin thời gian đáo hạn của tài sản và các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.050.451.292	-	16.050.451.292
Chứng khoán kinh doanh	22.905.369.536	-	22.905.369.536
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.328.520.384	-	2.328.520.384
Các khoản phải thu dài hạn	-	1.155.960.000	1.155.960.000
Tổng	41.284.341.212	1.155.960.000	42.440.301.212
Phải trả người bán	-	-	-
Tổng	-	-	-
Chênh lệch thanh khoản ròng	41.284.341.212	1.155.960.000	42.440.301.212
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
1/1/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.599.505.525	-	12.599.505.525
Chứng khoán kinh doanh	22.905.369.536	-	22.905.369.536
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.743.311.616	-	4.743.311.616
Các khoản phải thu dài hạn	-	2.105.064.000	2.105.064.000
Tổng	40.248.186.677	2.105.064.000	42.353.250.677
Phải trả người bán	652.400.000	-	652.400.000
Tổng	652.400.000	-	652.400.000
Chênh lệch thanh khoản ròng	39.595.786.677	2.105.064.000	41.700.850.677

Tài sản đảm bảo

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn và không sử dụng bất kỳ tài sản nào của Công ty nhằm đảm bảo cho bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn của một bên khác vào ngày 31/12/2021 và ngày 01/01/2021.

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Người lập

Phụ trách kế toán

Chủ tịch HĐQT





Nguyễn Quang Anh

Nguyễn Quang Anh

Lã Quý Hiền